TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 19/10/2020

V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên- Ông Lê Đình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30A/2020/QĐST- HNGĐ ngày 01/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST- HPT ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần H, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu phố O, phường Đ, thành phố P, tỉnh N*(có mặt).*

2. Bị đơn: Bà Đặng T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: số nhà J đường K, Khu phố O, phường Đ, thành phố P, tỉnh N*(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn- Ông Trần H - trình bày:

Ông và bà Đặng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 01 tháng 02 năm 2001 tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 vợ chồng ly thân do bất đồng quan điểm sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có ba con chung:

- Trần Đ, sinh ngày 18/02/2002 (đã trưởng thành).
- Trần L , sinh ngày 23/02/2003
- Trần Q, sinh ngày 08/10/2016.

Khi ly hôn ông yêu cầu bà Đặng T trực tiếp nuôi 02 con L và Q, ông sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi con, tổng cộng 5.000.000 đồng.

Bị đơn - Đặng T - vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố đã tiến hành xác minh tại Công an phường Đ, theo đó bà Đặng T hiện vẫn đang cư trú tại khu phố O, phường Đ. Ông Trần H nộp Đơn trình bày ngày 18/3/2019, xác nhận của chính quyền địa phương ông Trần H đã rời khỏi nhà từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần H và bà Đặng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số xxxx ngày 01 tháng 02 năm 20xx tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh N. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn- bà Đặng T - vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cuả pháp luật dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ các lý do chính đáng khác. Bà Đặng T và ông Trần H đã ly thân từ năm 2018 đến nay, có xác nhận của chính quyền địa phương. Bà Đặng T không tham gia tố tụng dù đã được tống đạt hợp lệ, không thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần H.

[4] Về quan hệ con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần H trình bày các con hiện sống cùng với mẹ, cuộc sống đã ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần H: Bà Đặng T có quyền và nghĩa vụ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Trần L, sinh ngày 23/02/2003 và Trần Q, sinh ngày 08/10/2016. ÔngTrần H đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần L và Trần Q mỗi cháu 2.500.000 đồng một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự lao động được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, "trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu", do đó ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và chịu án phí 300 ngàn đồng về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần H được ly hôn bà Đặng T.

Về quan hệ con chung:

Bà Đặng T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Trần L, sinh ngày 23/02/2003 và Trần Q, sinh ngày 08/10/2016.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông Trần H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đặng T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần L (sinh ngày 23/02/2003) và Trần Q (sinh ngày 08/10/2016) mỗi người con 2.500.000 đồng một tháng (tức 5.000.000 đồng cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Trần H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số 00207xx ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P. Ông Trần H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TPPRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án.
- UBND phường Đ.

(GCNKH số: xxxx
ngày 01 tháng 02 năm 20xx)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ninh Thị Kiều Hạnh